

**TÒA ÁN NHÂN DÂN  
HUYỆN CHÂU THÀNH A  
TỈNH HẬU GIANG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập – Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 61/2020/HNGĐ-ST

Ngày: 28-9-2020

V/v tranh chấp xin ly hôn

**NHÂN DANH  
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN CHÂU THÀNH A, TỈNH HẬU GIANG**

**- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**

*Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:* Ông Nguyễn Văn Đua

*Các Hội thẩm nhân dân:*

1. Ông Nguyễn Văn Phúc

2. Bà Trần Thị Kim Thắm

**- Thư ký phiên tòa:** Ông Huỳnh Hoàng Tuấn – Là thư ký Tòa án nhân dân huyện Châu Thành A, tỉnh Hậu Giang.

***Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Châu Thành A, tỉnh Hậu Giang tham gia phiên tòa:*** Ông Lê Thanh Tường – Kiểm sát viên

Ngày 28 tháng 9 năm 2020, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Châu Thành A xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 122/2020/TLST-HNGĐ ngày 18 tháng 5 năm 2020 về việc tranh chấp xin ly hôn theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 140/2020/QĐXXST-HNGĐ ngày 07 tháng 9 năm 2020, giữa các đương sự:

*1. Nguyên đơn:* Nguyễn Thị D – vắng mặt

Địa chỉ: Ấp 3C, xã Tân H, huyện Châu Thành A, tỉnh Hậu Giang.

*2. Bị đơn:* Trần Thanh V – vắng mặt

Địa chỉ: Ấp 3C, xã Tân H, huyện Châu Thành A, tỉnh Hậu Giang.

*3. Người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan:*

3.1 Ngân hàng chính sách xã hội Việt Nam – Phòng giao dịch huyện Châu Thành A.

Người đại diện theo ủy quyền: Trần Thành Đ – Chức vụ: Giám đốc phòng giao dịch huyện Châu Thành A. (vắng mặt)

3.2 Trần Kim A

Địa chỉ: Ấp 5C, xã Tân H, huyện Châu Thành A, tỉnh Hậu Giang. (vắng mặt)

### **NỘI DUNG VỤ ÁN:**

Theo đơn xin ly hôn ngày 18/5/2020, Biên bản lấy lời khai ngày 19/8/2020 nguyên đơn chị Nguyễn Thị D trình bày: Chị và anh Trần Thanh V kết hôn với nhau vào năm 1993, hôn nhân tự nguyện, không có tổ chức lễ cưới theo phong tục tập quán của địa phương nhưng có đăng ký kết hôn theo quy định của pháp luật. Quá trình chung sống hạnh phúc được một thời gian thì phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân do vợ chồng bất đồng ý kiến nên đã ly thân được 03 năm. Nhận thấy đời sống chung không còn hạnh phúc và không còn tình cảm nên chị D làm đơn xin ly hôn với anh Trần Thanh V.

Về con chung: Chị và anh V có 03 người con tên là Trần Kim H sinh năm 1994, Trần Kim B sinh năm 1997 và Trần Kim A sinh năm 1998. Các con của chị đã trưởng thành nên không yêu cầu giải quyết.

Về tài sản chung: Không yêu cầu giải quyết.

Về nợ chung: Nợ Ngân hàng chính sách xã hội Việt Nam – Phòng giao dịch huyện Châu Thành A số tiền là 10.000.000 đồng. Nợ Trần Kim A 1,5 chỉ vàng 24k. Số nợ này chị tự thỏa thuận với các chủ nợ nên không yêu cầu giải quyết.

Chị Nguyễn Thị D có yêu cầu Tòa án xét xử vắng mặt.

Bị đơn anh Trần Thanh V vắng mặt nên không có lời trình bày.

Người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan ngân hàng chính sách xã hội Việt Nam – Phòng giao dịch huyện Châu Thành A có anh Trần Thành Đ trình bày tại bản tự khai ngày 19/8/2020: Anh Trần Thanh V có vay của ngân hàng chính sách xã hội Việt Nam – Phòng giao dịch huyện Châu Thành A (gọi tắt là Ngân hàng) 02 khoản vay, cụ thể:

Ngày 28/6/2017 anh V vay chương trình hộ mới thoát nghèo số tiền là 7.000.000 đồng, lãi suất cho vay 8,25%/năm, thời hạn trả nợ đến năm 2022.

Ngày 23/4/2019 vay chương trình nước sạch vệ sinh môi trường, số tiền vay là 2.000.000 đồng, lãi suất 9%/năm, thời hạn trả tiền vay đến ngày 23/4/2024.

Phía Ngân hàng không có yêu cầu khách hàng trả nợ và yêu cầu tòa án xét xử vắng mặt.

Người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan Trần Kim A trình bày: Chị là con ruột của chị Nguyễn Thị D và anh Trần Thanh V. Trước đây, Cha mẹ có mượn của chị 02 chỉ vàng 24k. Chị không có yêu cầu trả 02 chỉ vàng 24k, chị yêu cầu Tòa án xét xử vắng mặt.

Kiểm sát viên phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa trong quá trình giải quyết vụ án kể từ khi thụ lý cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án là tuân thủ đúng trình tự, thủ tục tố tụng. Các đương sự đã thực hiện đầy đủ quyền và nghĩa vụ đúng theo quy định pháp luật, Đối với chị D, đại diện ngân hàng và chị Kim A có yêu cầu xét xử vắng mặt nên đề nghị Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt chị D, ngân hàng và chị Kim A. Đối với anh Trần Thanh V, mặc dù tòa án đã triệu tập hợp lệ nhưng vẫn vắng mặt không có lý do chính đáng nên đề nghị Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt anh V.

Về việc nội dung giải quyết vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận cho chị Nguyễn Thị D được ly hôn với anh Trần Thanh V. Về con chung đã trưởng thành nên không yêu cầu giải quyết; về tài sản chung tự thỏa thuận không yêu cầu giải quyết nên đề nghị Hội đồng xét xử không xem xét; Về nợ chung các đương sự không có yêu cầu giải quyết nên đề nghị Hội đồng xét xử không xem xét. Về án phí nguyên đơn phải chịu theo quy định của pháp luật.

### **NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh tụng, tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thẩm quyền: Chị Nguyễn Thị D và anh Trần Thanh V do phát sinh mâu thuẫn trong đời sống hôn nhân và gia đình mà không thể hàn gắn tình cảm được với nhau nên chị D yêu cầu Tòa án giải quyết được ly hôn với anh V, do anh V có nơi cư trú tại huyện Châu Thành A, tỉnh Hậu Giang nên theo quy định tại Điều 28, Điều 35, Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự thì vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Châu Thành A, tỉnh Hậu Giang.

[2] Xét về thủ tục tố tụng: Nguyên đơn chị D, đại diện ngân hàng và chị Kim A có yêu cầu xét xử vắng mặt nên căn cứ vào Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự tiến hành xét xử vắng mặt chị D, đại diện ngân hàng và chị Kim A. Đối với anh Trần Thanh V, Tòa án tiến hành các thủ tục tố tụng theo quy định của pháp luật nhưng anh V vắng mặt không đến Tòa án nên Hội đồng xét xử căn cứ Điều 227 của Bộ luật tố tụng dân sự tiến hành xét xử vắng mặt anh V.

[3] Về nội dung vụ án:

[3.1] Xét quan hệ hôn nhân giữa chị Nguyễn Thị D và anh Trần Thanh V là quan hệ hôn nhân hợp pháp, được pháp luật công nhận. Quá trình chung sống do vợ chồng thường xuyên bất đồng quan điểm, không thể sống chung với nhau nên đã ly thân 03 năm. Điều này chứng minh đời sống chung của vợ chồng không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được, Tòa án đã tiến hành các thủ tục tố tụng để triệu tập anh Trần Thanh V đến Tòa án để hòa giải, hàn gắn gia đình nhưng anh không đến. Nay, chị D kiên quyết xin ly hôn với anh V là có căn cứ nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

[3.2] Về con chung: Chị Nguyễn Thị D và anh Trần Thanh V có 03 người con tên là Trần Kim H sinh năm 1994, Trần Kim B sinh năm 1997 và Trần Kim A sinh năm 1998. Các con của anh, chị đã trưởng thành, không yêu cầu giải quyết nên Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét.

[3.3] Về tài sản chung: Không yêu cầu giải quyết nên Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét.

[3.4] Về nợ chung: Các đương sự không yêu cầu giải quyết nên Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét.

[4] Về án phí: Án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm buộc chị Nguyễn Thị D phải chịu án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm là 300.000đồng.

[5] Quan điểm của Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Châu Thành A có căn cứ, phù hợp với quy định của pháp luật nên được chấp nhận.

*Vì các lẽ trên,*

### **QUYẾT ĐỊNH:**

Căn cứ vào Điều 28, Điều 35, Điều 39, khoản 4 Điều 147, Điều 227, Điều 228, Điều 271, Điều 273 của Bộ luật tố tụng dân sự;

Căn cứ vào Điều 56 của Luật hôn nhân và gia đình; điểm a khoản 5 Điều 27 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội.

Tuyên xử: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Nguyễn Thị D

1. Về quan hệ hôn nhân: Chấp nhận cho chị Nguyễn Thị D được ly hôn với anh Trần Thanh V.

2. Về con chung: Các con của chị Nguyễn Thị D và anh Trần Thanh V đã trưởng thành nên Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét.

3. Về tài sản chung: Không yêu cầu giải quyết nên Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét.

4. Về nợ chung: Không yêu cầu giải quyết nên Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét.

5. Về án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm buộc chị Nguyễn Thị D phải chịu án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm là 300.000đồng (ba trăm nghìn đồng). Chuyển 300.000 đồng (ba trăm nghìn đồng) tiền tạm ứng án phí chị D đã nộp theo biên lai số 0003725 ngày 18/5/2020 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Châu Thành A thành án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm (Chị D đã nộp xong).

6. Về quyền kháng cáo: Các đương sự có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc kể từ ngày bản án được niêm yết công khai theo quy định pháp luật.

7. Trường hợp Bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân

sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, Điều 7, Điều 7a và Điều 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

***Nơi nhận:***

- TAND tỉnh Hậu Giang;
- Các đương sự;
- CQ THA DS h.Châu Thành A;
- VKSND h.Châu Thành A;
- UBND xã Tân H;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**T.M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM  
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**  
(Đã ký)

**Nguyễn Văn Đua**